TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-PT
Ngày 13-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: xx/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo T.T.C.L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: xx/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **T.T.C.L**, sinh năm 1974 tại tỉnh T.G; nơi cư trú: ấp K.H.Đ, xã T.T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.M và bà T.T.U; chồng: V.T.G; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 21/8/2022, T.T.C.L đến chợ T.T thuộc ấp C, xã T.T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre để mua đồ. Khi đến sạp bán cá của bà T.T.H thì T.T.C.L phát hiện phía sau lưng bà T.T.H có 01 túi nhựa đựng tiền màu đỏ nên T.T.C.L đã nảy sinh ý định lấy trộm. Lợi dụng lúc bà T.T.H sơ hở, T.T.C.L đã lấy trộm túi tiền của bà T.T.H bên trong túi có số tiền 11.780.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng 24K.

Sau đó, T.T.C.L đem túi tiền của bà T.T.H ra cách chợ khoảng 100 mét lấy hết số tiền trong túi rồi vứt bỏ túi đựng tiền cùng túi cầm tay màu đỏ chứa 02 chiếc

nhẫn vàng 24K (do T.T.C.L không phát hiện bên trong túi có vàng) ở bên hông tiệm tạp hóa cách chợ T.T khoảng 100 mét. Sau khi phát hiện mất tài sản, bà T.T.H đã trình báo Công an xã T.T. Qua công tác xác minh, trích xuất camera xác định được đối tượng lấy trộm, lực lượng Công an đã mời T.T.C.L lên làm việc. Qua làm việc T.T.C.L đã khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản nêu trên và chỉ nơi đã vứt túi đựng tiền của bà T.T.H.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) túi nhựa màu đỏ;
- 01 (một) túi vải màu đỏ có nhiều hoa văn;
- 01 (một) túi cầm tay bằng nhựa, màu đỏ có vân giả da;
- 01 (một) căn cước công dân tên T.T.H;
- 01 (một) thẻ bảo hiểm tên T.T.H;
- 01 (một) chứng minh nhân dân tên Ngô Văn Minh;
- Số tiền 11.780.000 đồng;
- 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 24K;
- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa, màu đỏ nhạt;
- 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu trắng đục;
- 01 (một) áo vải màu đỏ;
- 01 (một) quần dài bằng vải, màu đỏ.

Theo Thông báo kết quả giám định số xxxxx/N1.22/TĐ của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 kết luận: 02 chiếc nhẫn bằng vàng tinh khiết, tỷ lệ 99,99%, loại 24 Kara, khối lượng 3,7470 gam và 3,7607 gam.

Tại Kết luận định giá tài sản số xxxx/KL- HĐĐG ngày 03/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện C.T kết luận:

- 02 nhẫn vàng tinh khiết, tỷ lệ 99,99%, loại 24 Kara, khối lượng 3,7470 gam và 3,7607 gam có tổng giá trị là: 10.520.000 đồng.
- 01 túi cầm tay bằng nhựa, màu đỏ có vân giả da không đủ cơ sở xác định.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: xx/2023/HS-ST ngày 10-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện C.T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo T.T.C.L phạm "Tội trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T.T.C.L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2023 bị cáo T.T.C.L kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.T.C.L phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới; xét thấy mức hình phạt 01 năm tù là phù hợp, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.T.C.L 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo tranh luận: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi 02 người cháu nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 07 giờ ngày 21/8/2022, tại ấp C, xã T.T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre, T.T.C.L có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà T.T.H số tiền 11.780.000 đồng và 02 chiếc nhẫn vàng 24K trị giá 10.520.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 22.300.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm

đoạt tiền và vàng với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 22.300.000 đồng của bà T.T.H; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.T.C.L phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại có đơn xin bãi nại yêu cầu xử lý bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 01 năm tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Tuy nhiên thấy rằng bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại giữa ban ngày, nơi có đông người, giá trị tài sản chiếm đoạt lên đến 22.300.000 đồng, phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật và tài sản của người khác, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây hoang mang lo sợ trong nhân dân trong việc quản lý tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm tù và không cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng

cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.T.C.L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: xx/2023/HS-ST ngày 10-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện C.T, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T.T.C.L 01 (một) năm tù về "Tội trộm cắp tài sản";

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo T.T.C.L phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C.T (3b);
- VKSND huyện C.T (1b);
- Công an huyện C.T (1b);
- Chi cục THADS huyện C.T (1b);
- UBND xã T.T, h. Châu Thành (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**